

Số/No: 26/TN5/1970-05

Trang/Page: 1/1

VIMCERTS 093/2026/1607

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

Tên mẫu thử: Khí thải lấy tại ống thoát khí số 1 của hệ thống xử lý khí thải lò nấu nhôm của xưởng đúc 2.000kg.

Khách hàng: Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam.

Ngày lấy mẫu: 30/07/2026.

Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 30/07/2026 đến ngày: 24/08/2026.

Ngày hoàn thành: 24/08/2026.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 19: 2009 BTNMT-B Kp = 0,8; Kv = 0,8	Kết quả
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	≤ 128	17,4
2	HF	mg/Nm ³	US EPA Method 26A	≤ 12,8	KPH (GHPH = 0,50)
3	Cacbon oxit, CO	mg/Nm ³	TN5/HD.HT/31	≤ 640	444,9
4	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂	mg/Nm ³	TN5/HD.HT/31	≤ 320	89,08
5	NO _x (Tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	TN5/HD.HT/31	≤ 544	0
6	Lưu lượng khí thải	Nm ³ /h	US EPA Method 2	-	10.532
7	Áp suất	mm H ₂ O	TN5/HD.HT/02	-	4,27
8	Nhiệt độ	°C	TN5/HD.HT/02	-	54,6

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT-B: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với Bụi tổng và các chất vô cơ – cột B (Kp = 0,8; Kv = 0,8);
- KPH: Không phát hiện; GHPH: giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2026



PHÓ GIÁM ĐỐC

Đặng Thanh Tùng

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/TN5/1970-04

Trang/Page: 1/1

VIMCERTS 093/2026/1606

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

Tên mẫu thử: Khí thải lấy tại ống thoát khí số 2 của hệ thống xử lý khí thải lò nấu nhôm của xưởng đúc 800kg và 1.000kg.

Khách hàng: Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam.

Ngày lấy mẫu: 30/07/2026.

Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 30/07/2026 đến ngày: 24/08/2026.

Ngày hoàn thành: 24/08/2026.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 19: 2009 BTNMT-B Kp = 0,8; Kv = 0,8	Kết quả
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	≤ 128	< 15.0
2	HF	mg/Nm ³	US EPA Method 26A	≤ 12,8	KPH (GHPH = 0,50)
3	Cacbon oxit, CO	mg/Nm ³	TN5/HD.HT/31	≤ 640	1,14
4	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂	mg/Nm ³	TN5/HD.HT/31	≤ 320	0
5	NO _x (Tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	TN5/HD.HT/31	≤ 544	0,4323
6	Lưu lượng khí thải	Nm ³ /h	US EPA Method 2	-	10.581
7	Áp suất	mm H ₂ O	TN5/HD.HT/02	-	4,28
8	Nhiệt độ	°C	TN5/HD.HT/02	-	52,5

Ghi chú:

- **QCVN 19:2009/BTNMT-B:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với Bụi tổng và các chất vô cơ – cột B (Kp = 0,8; Kv = 0,8);
- **KPH:** Không phát hiện; **GHPH:** giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2026

PHÓ GIÁM ĐỐC
Dặng Thanh Tùng

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....26/TN5/1912-04

Trang/Page:.....1/1....

VIMCERTS 093/2026/1627

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

(Phiếu kết quả này thay cho phiếu kết quả số 26/TN5/1912-04 ra ngày 28/08/2026)

Tên mẫu thử: **Khí thải lấy tại ống thoát khí số 3 của hệ thống xử lý khí thải xưởng sơn line 5.1 - Quạt hút Primer - 5.1.**

Khách hàng: **Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam.**

Ngày lấy mẫu: **22/07/2026.**

Thời gian thử nghiệm: **Từ ngày: 22/07/2026 đến ngày: 24/08/2026.**

Ngày hoàn thành: **24/08/2026.**

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 20: 2009 /BTNMT	Kết quả
1	Benzen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 5	KPH (GHPH = 1,0)
2	Toluen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 750	55,7
3	Xylen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 870	49,4
4	Etyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 1400	372
5	Butyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 950	101
6	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	≤ 160*	< 15,0
7	Lưu lượng khí thải	Nm ³ /h	US EPA Method 2	-	15.982
8	Áp suất	mm H ₂ O	TN5/HD.HT/02	-	2,39
9	Nhiệt độ	°C	TN5/HD.HT/02	-	28,5

Ghi chú:

- **QCVN 20:2009/BTNMT**: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- **"*"** so sánh với **QCVN 19:2009/BTNMT**: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Kp = 0,8; Kv = 1,0);
- **KPH**: Không phát hiện; **GHPH**: giới hạn phát hiện.

**TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT****Đặng Việt Lâm**

Hà Nội, ngày 04 tháng 09 năm 2026

GIÁM ĐỐC**PHÓ GIÁM ĐỐC**
Nguyễn Ngọc Châm

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:..... 26/TN5/1927-01

Trang/Page:..... 1/1

VIMCERTS 093/2026/1574

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

Tên mẫu thử: Khí thải lấy tại ống thoát khí số 4 của hệ thống xử lý khí thải xưởng sơn line 5.1 - Quạt hút Mixing room - 5.1.

Khách hàng: Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam.

Ngày lấy mẫu: 23/07/2026.

Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 23/07/2026 đến ngày: 24/08/2026.

Ngày hoàn thành: 24/08/2026.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 20: 2009 /BTNMT	Kết quả
1	Benzen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 5	KPH (GHPH = 1,0)
2	Toluen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 750	3,08
3	Xylen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 870	3,18
4	Etyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 1400	< 3,0
5	Butyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 950	13,4
6	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	≤ 160*	< 15,0
7	Lưu lượng khí thải	Nm ³ /h	US EPA Method 2	-	5.495
8	Áp suất	mm H ₂ O	TN5/HD.HT/02	-	14,19
9	Nhiệt độ	°C	TN5/HD.HT/02	-	30,0

Ghi chú:

- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- "*" so sánh với QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Kp = 0,8; Kv = 1,0);
- KPH: Không phát hiện; GHPH: giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2026

15 GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC

Đặng Thanh Tùng

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....26/TN5/1912-03.

Trang/Page:.....1/1.....

VIMCERTS 093/2026/1626

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

(Phiếu kết quả này thay cho phiếu kết quả số 26/TN5/1912-03 ra ngày 28/08/2026)

Tên mẫu thử: **Khí thải lấy tại ống thoát khí số 5 của hệ thống xử lý khí thải xưởng sơn line 5.1 - Quạt hút U.C No2 - 5.1.**

Khách hàng: **Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam.**

Ngày lấy mẫu: **22/07/2026.**

Thời gian thử nghiệm: **Từ ngày: 22/07/2026 đến ngày: 24/08/2026.**

Ngày hoàn thành: **24/08/2026.**

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 20: 2009 /BTNMT	Kết quả
1	Benzen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 5	KPH (GHPH = 1,0)
2	Toluen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 750	< 3,0
3	Xylen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 870	24,3
4	Etyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 1400	< 3,0
5	Butyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 950	38,7
6	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	≤ 160*	< 15,0
7	Lưu lượng khí thải	Nm ³ /h	US EPA Method 2	-	12.423
8	Áp suất	mm H ₂ O	TN5/HD.HT/02	-	1,80
9	Nhiệt độ	°C	TN5/HD.HT/02	-	29,0

Ghi chú:

- **QCVN 20:2009/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- **“*”** so sánh với **QCVN 19:2009/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Kp = 0,8; Kv = 1,0);
- **KPH:** Không phát hiện; **GHPH:** giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 04 tháng 09 năm 2026

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....26/TN5/1927-02

Trang/Page:.....1/1

VIMCERTS 093/2026/1575

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

Tên mẫu thử: **Khí thải lấy tại ống thoát khí số 6 của hệ thống xử lý khí thải xưởng sơn line 5.1 - Quạt hút U.C No1 - 5.1.**

Khách hàng: **Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam.**

Ngày lấy mẫu: **23/07/2026.**

Thời gian thử nghiệm: **Từ ngày: 23/07/2026 đến ngày: 24/08/2026.**

Ngày hoàn thành: **24/08/2026.**

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 20: 2009 /BTNMT	Kết quả
1	Benzen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 5	KPH (GPH = 1,0)
2	Toluen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 750	KPH (GPH = 1,0)
3	Xylen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 870	4,34
4	Etyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 1400	23,6
5	Butyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 950	11,4
6	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	≤ 160*	< 15,0
7	Lưu lượng khí thải	Nm ³ /h	US EPA Method 2	-	45.621
8	Áp suất	mm H ₂ O	TN5/HD.HT/02	-	9,40
9	Nhiệt độ	°C	TN5/HD.HT/02	-	28,3

Ghi chú:

- **QCVN 20:2009/BTNMT**: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- **"*"** so sánh với **QCVN 19:2009/BTNMT**: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (K_p = 0,8; K_v = 1,0);
- **KPH**: Không phát hiện; **GPH**: giới hạn phát hiện.

**TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT****Đặng Việt Lâm**

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2026

GIÁM ĐỐC**PHÓ GIÁM ĐỐC****Đặng Thanh Tùng**

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....26/TN5/1970-01

Trang/Page:.....1/1.....

VIMCERTS 093/2026/1603

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

Tên mẫu thử: **Khí thải lấy tại ống thoát khí số 7 của hệ thống xử lý khí thải xưởng sơn line 5.1 - Quạt hút T.C No1 - 5.1.**

Khách hàng: **Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam.**

Ngày lấy mẫu: **30/07/2026.**

Thời gian thử nghiệm: **Từ ngày: 30/07/2026 đến ngày: 24/08/2026.**

Ngày hoàn thành: **24/08/2026.**

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 20: 2009 /BTNMT	Kết quả
1	Benzen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 5	KPH (GHPH = 1,0)
2	Toluen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 750	9,94
3	Xylen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 870	29,4
4	Etyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 1400	5,62
5	Butyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 950	66,8
6	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	≤ 160*	KPH (GHPH = 5,0)
7	Lưu lượng khí thải	Nm ³ /h	US EPA Method 2	-	37.010
8	Áp suất	mm H ₂ O	TN5/HD.HT/02	-	5,78
9	Nhiệt độ	°C	TN5/HD.HT/02	-	27,9

Ghi chú:

- **QCVN 20:2009/BTNMT**: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- **"*"** so sánh với **QCVN 19:2009/BTNMT**: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (K_p = 0,8; K_v = 1,0);
- **KPH**: Không phát hiện; **GHPH**: giới hạn phát hiện.

**TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT****Đặng Việt Lâm**

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2026

**PHÓ GIÁM ĐỐC**
Đặng Thanh Hùng

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....26/TN5/1970-02

Trang/Page:.....1/1

VIMCERTS 093/2026/1604

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

Tên mẫu thử: Khí thải lấy tại ống thoát khí số 8 của hệ thống xử lý khí thải xưởng sơn line 5.1 - Quạt hút T.C No2 - 5.1.

Khách hàng: Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam.

Ngày lấy mẫu: 30/07/2026.

Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 30/07/2026 đến ngày: 24/08/2026.

Ngày hoàn thành: 24/08/2026.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 20: 2009 /BTNMT	Kết quả
1	Benzen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 5	KPH (GHPH = 1,0)
2	Toluen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 750	KPH (GHPH = 1,0)
3	Xylen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 870	7,06
4	Etyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 1400	3,80
5	Butyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 950	13,8
6	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	≤ 160*	KPH (GHPH = 5,0)
7	Lưu lượng khí thải	Nm ³ /h	US EPA Method 2	-	10.591
8	Áp suất	mm H ₂ O	TN5/HD.HT/02	-	1,56
9	Nhiệt độ	°C	TN5/HD.HT/02	-	28,4

Ghi chú:

- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- "*" so sánh với QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Kp = 0,8; Kv = 1,0);
- KPH: Không phát hiện; GHPH: giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2026

17 GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC
Đặng Thanh Tùng

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/TN5/1970-03

Trang/Page: 1/1

VIMCERTS 093/2026/1605

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

Tên mẫu thử: Khí thải lấy tại ống thoát khí số 9 của hệ thống xử lý khí thải xưởng sơn line 5.1 - Quạt hút Setting - 5.1.

Khách hàng: Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam.

Ngày lấy mẫu: 30/07/2026.

Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 30/07/2026 đến ngày: 24/08/2026.

Ngày hoàn thành: 24/08/2026.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 20: 2009 /BTNMT	Kết quả
1	Benzen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 5	KPH (GPHH = 1,0)
2	Toluen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 750	< 3,0
3	Xylen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 870	3,52
4	Etyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 1400	KPH (GPHH = 1,0)
5	Butyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 950	KPH (GPHH = 1,0)
6	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	≤ 160*	KPH (GPHH = 5,0)
7	Lưu lượng khí thải	Nm ³ /h	US EPA Method 2	-	3.502
8	Áp suất	mm H ₂ O	TN5/HD.HT/02	-	1,78
9	Nhiệt độ	°C	TN5/HD.HT/02	-	30,3

Ghi chú:

- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- "*" so sánh với QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Kp = 0,8; Kv = 1,0);
- KPH: Không phát hiện; GPHH: giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2026

GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC

Đặng Thanh Tùng

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....26/TN5/1912-02

Trang/Page:.....1/1....

VIMCERTS 093/2026/1625

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

(Phiếu kết quả này thay cho phiếu kết quả số 26/TN5/1912-02 ra ngày 28/08/2026)

Tên mẫu thử: **Khí thải lấy tại ống thoát khí số 10 của hệ thống xử lý khí thải xưởng sơn line 5.2 - Quạt hút Primer - 5.2.**

Khách hàng: **Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam.**

Ngày lấy mẫu: **22/07/2026.**

Thời gian thử nghiệm: **Từ ngày: 22/07/2026 đến ngày: 24/08/2026.**

Ngày hoàn thành: **24/08/2026.**

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 20: 2009 /BTNMT	Kết quả
1	Benzen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 5	KPH (GHPH = 1,0)
2	Toluen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 750	94,2
3	Xylen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 870	150
4	Etyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 1400	336
5	Butyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 950	128
6	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	≤ 160*	< 15,0
7	Lưu lượng khí thải	Nm ³ /h	US EPA Method 2	-	21.551
8	Áp suất	mm H ₂ O	TN5/HD.HT/02	-	4,30
9	Nhiệt độ	°C	TN5/HD.HT/02	-	26,8

Ghi chú:

- **QCVN 20:2009/BTNMT**: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- **"*"** so sánh với **QCVN 19:2009/BTNMT**: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Kp = 0,8; Kv = 1,0);
- **KPH**: Không phát hiện; **GHPH**: giới hạn phát hiện.

**TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT****Đặng Việt Lâm**

Hà Nội, ngày 04 tháng 09 năm 2026

**PHÓ GIÁM ĐỐC**
Nguyễn Ngọc Châm

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....26/TN5/1900-04

Trang/Page:.....1/1....

VIMCERTS 093/2026/1618

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

(Phiếu kết quả này thay cho phiếu kết quả số 26/TN5/1900-04 ra ngày 28/08/2026)

Tên mẫu thử: **Khí thải lấy tại ống thoát khí số 11 của hệ thống xử lý khí thải xưởng sơn line 5.2 - Quạt hút Mixing room - 5.2.**

Khách hàng: **Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam.**

Ngày lấy mẫu: **21/07/2026.**

Thời gian thử nghiệm: **Từ ngày: 21/07/2026 đến ngày: 24/08/2026.**

Ngày hoàn thành: **24/08/2026.**

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 20: 2009 /BTNMT	Kết quả
1	Benzen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 5	KPH (GHPH = 1,0)
2	Toluen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 750	KPH (GHPH = 1,0)
3	Xylen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 870	< 3,0
4	Etyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 1400	KPH (GHPH = 1,0)
5	Butyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 950	13,5
6	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	≤ 160*	< 15,0
7	Lưu lượng khí thải	Nm ³ /h	US EPA Method 2	-	3.741
8	Áp suất	mm H ₂ O	TN5/HD.HT/02	-	4,14
9	Nhiệt độ	°C	TN5/HD.HT/02	-	29,2

Ghi chú:

- **QCVN 20:2009/BTNMT**: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- **"*"** so sánh với **QCVN 19:2009/BTNMT**: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Kp = 0,8; Kv = 1,0);
- **KPH**: Không phát hiện; **GHPH**: giới hạn phát hiện.

**TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT****Đặng Việt Lâm**

Hà Nội, ngày 04 tháng 09 năm 2026

**PHÓ GIÁM ĐỐC**
Nguyễn Ngọc Châm

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....26/TN5/1912-01..

Trang/Page:.....1/1.....

VIMCERTS 093/2026/1624

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

(Phiếu kết quả này thay cho phiếu kết quả số 26/TN5/1912-01 ra ngày 28/08/2026)

Tên mẫu thử: **Khí thải lấy tại ống thoát khí số 12 của hệ thống xử lý khí thải xưởng sơn line 5.2 - Quạt hút U.C N2 - 5.2.**

Khách hàng: **Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam.**

Ngày lấy mẫu: **22/07/2026.**

Thời gian thử nghiệm: **Từ ngày: 22/07/2026 đến ngày: 24/08/2026.**

Ngày hoàn thành: **24/08/2026.**

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 20: 2009 /BTNMT	Kết quả
1	Benzen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 5	KPH (GHPH = 1,0)
2	Toluen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 750	< 3,0
3	Xylen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 870	55,1
4	Etyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 1400	< 3,0
5	Butyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 950	148
6	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	≤ 160*	< 15,0
7	Lưu lượng khí thải	Nm ³ /h	US EPA Method 2	-	15.116
8	Áp suất	mm H ₂ O	TN5/HD.HT/02	-	2,64
9	Nhiệt độ	°C	TN5/HD.HT/02	-	28,1

Ghi chú:

- **QCVN 20:2009/BTNMT**: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- **"*"** so sánh với **QCVN 19:2009/BTNMT**: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Kp = 0,8; Kv = 1,0);
- **KPH**: Không phát hiện; **GHPH**: giới hạn phát hiện.

**TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT****Đặng Việt Lâm**

Hà Nội, ngày 04 tháng 09 năm 2026

**PHÓ GIÁM ĐỐC**
Nguyễn Ngọc Châm

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....26/TN5/1927-03

Trang/Page:.....1/1

VIMCERTS 093/2026/1576

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

Tên mẫu thử: **Khí thải lấy tại ống thoát khí số 13 của hệ thống xử lý khí thải xưởng sơn line 5.2 - Quạt hút U.C No1 - 5.2.**

Khách hàng: **Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam.**

Ngày lấy mẫu: **23/07/2026.**

Thời gian thử nghiệm: **Từ ngày: 23/07/2026 đến ngày: 24/08/2026.**

Ngày hoàn thành: **24/08/2026.**

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 20: 2009 /BTNMT	Kết quả
1	Benzen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 5	KPH (GHPH = 1,0)
2	Toluen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 750	KPH (GHPH = 1,0)
3	Xylen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 870	3,99
4	Etyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 1400	< 3,0
5	Butyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 950	10,1
6	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	≤ 160*	KPH (GHPH = 5,0)
7	Lưu lượng khí thải	Nm ³ /h	US EPA Method 2	-	39.078
8	Áp suất	mm H ₂ O	TN5/HD.HT/02	-	5,61
9	Nhiệt độ	°C	TN5/HD.HT/02	-	27,7

Ghi chú:

- **QCVN 20:2009/BTNMT**: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- **"*"** so sánh với **QCVN 19:2009/BTNMT**: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (K_p = 0,8; K_v = 1,0);
- **KPH**: Không phát hiện; **GHPH**: giới hạn phát hiện.

**TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT****Đặng Việt Lâm**

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2026

**PHÓ GIÁM ĐỐC**
Đặng Thanh Tùng

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/TN5/1960-01

Trang/Page: 1/1

VIMCERTS 093/2026/1599

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

Tên mẫu thử: Khí thải lấy tại ống thoát khí số 14 của hệ thống xử lý khí thải xưởng sơn line 5.2 - Quạt hút T.C No2 - 5.2.

Khách hàng: Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam.

Ngày lấy mẫu: 29/07/2026.

Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 29/07/2026 đến ngày: 24/08/2026.

Ngày hoàn thành: 24/08/2026.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 20: 2009 /BTNMT	Kết quả
1	Benzen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 5	KPH (GHPH = 1,0)
2	Toluen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 750	< 3,0
3	Xylen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 870	KPH (GHPH = 1,0)
4	Etyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 1400	3,65
5	Butyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 950	< 3,0
6	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	≤ 160*	< 15,0
7	Lưu lượng khí thải	Nm ³ /h	US EPA Method 2	-	14.094
8	Áp suất	mm H ₂ O	TN5/HD.HT/02	-	2,01
9	Nhiệt độ	°C	TN5/HD.HT/02	-	28,6

Ghi chú:

- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- "*" so sánh với QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Kp = 0,8; Kv = 1,0);
- KPH: Không phát hiện; GHPH: giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2026

PHÓ GIÁM ĐỐC
Đặng Thanh Hùng

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....26/TN5/1960-02..

Trang/Page:.....1/1.....

VIMCERTS 093/2026/1600

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

Tên mẫu thử: Khí thải lấy tại ống thoát khí số 15 của hệ thống xử lý khí thải xưởng sơn line 5.2 - Quạt hút T.C No1 - 5.2 gộp với quạt hút Side Room.

Khách hàng: Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam.

Ngày lấy mẫu: 29/07/2026.

Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 29/07/2026 đến ngày: 24/08/2026.

Ngày hoàn thành: 24/08/2026.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 20: 2009 /BTNMT	Kết quả
1	Benzen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 5	KPH (GHPH = 1,0)
2	Toluen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 750	< 3,0
3	Xylen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 870	< 3,0
4	Etyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 1400	KPH (GHPH = 1,0)
5	Butyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 950	< 3,0
6	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	≤ 160*	< 15,0
7	Lưu lượng khí thải	Nm ³ /h	US EPA Method 2	-	43.268
8	Áp suất	mm H ₂ O	TN5/HD.HT/02	-	6,12
9	Nhiệt độ	°C	TN5/HD.HT/02	-	28,6

Ghi chú:

- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- "*" so sánh với QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Kp = 0,8; Kv = 1,0);
- KPH: Không phát hiện; GHPH: giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2026

GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC

Đặng Thanh Hùng

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....26/TN5/1960-03..

Trang/Page:.....1/1.....

VIMCERTS 093/2026/1601

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

Tên mẫu thử: **Khí thải lấy tại ống thoát khí số 16 của hệ thống xử lý khí thải xưởng sơn line 5.2 - Quạt hút Setting - 5.2.**

Khách hàng: **Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam.**

Ngày lấy mẫu: **29/07/2026.**

Thời gian thử nghiệm: **Từ ngày: 29/07/2026 đến ngày: 24/08/2026.**

Ngày hoàn thành: **24/08/2026.**

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 20: 2009 /BTNMT	Kết quả
1	Benzen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 5	KPH (GHPH = 1,0)
2	Toluen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 750	< 3,0
3	Xylen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 870	4,29
4	Etyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 1400	KPH (GHPH = 1,0)
5	Butyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 950	7,66
6	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	≤ 160*	< 15,0
7	Lưu lượng khí thải	Nm ³ /h	US EPA Method 2	-	6.090
8	Áp suất	mm H ₂ O	TN5/HD.HT/02	-	4,44
9	Nhiệt độ	°C	TN5/HD.HT/02	-	28,6

Ghi chú:

- **QCVN 20:2009/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- **"*"** so sánh với **QCVN 19:2009/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Kp = 0,8; Kv = 1,0);
- **KPH:** Không phát hiện; **GHPH:** giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2026



PHÓ GIÁM ĐỐC
Đặng Thanh Tùng

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/TN5/1956-01

Trang/Page: 1/1

VIMCERTS 093/2026/1596

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

Tên mẫu thử: Khí thải lấy tại ống thoát khí số 17 của hệ thống xử lý khí thải xưởng sơn line 6.1 - Quạt hút Primer - 6.1.

Khách hàng: Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam.

Ngày lấy mẫu: 28/07/2026.

Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 28/07/2026 đến ngày: 24/08/2026.

Ngày hoàn thành: 24/08/2026.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 20: 2009 /BTNMT	Kết quả
1	Benzen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 5	KPH (GHPH = 1,0)
2	Toluen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 750	< 3,0
3	Xylen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 870	< 3,0
4	Etyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 1400	25,7
5	Butyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 950	< 3,0
6	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	≤ 160*	58,9
7	Lưu lượng khí thải	Nm ³ /h	US EPA Method 2	-	29.996
8	Áp suất	mm H ₂ O	TN5/HD.HT/02	-	0,193
9	Nhiệt độ	°C	TN5/HD.HT/02	-	29,3

Ghi chú:

- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- "*" so sánh với QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Kp = 0,8; Kv = 1,0);
- KPH: Không phát hiện; GHPH: giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2026

GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC

Đặng Thanh Tùng

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....26/TN5/1960-04.....

Trang/Page:.....1/1.....

VIMCERTS 093/2026/1602

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

Tên mẫu thử: Khí thải lấy tại ống thoát khí số 18 của hệ thống xử lý khí thải xưởng sơn line 6.1 - Quạt hút Mixing room - 6.1.

Khách hàng: Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam.

Ngày lấy mẫu: 29/07/2026.

Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 29/07/2026 đến ngày: 24/08/2026.

Ngày hoàn thành: 24/08/2026.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 20: 2009 /BTNMT	Kết quả
1	Benzen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 5	KPH (GHPH = 1,0)
2	Toluen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 750	53,8
3	Xylen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 870	< 3,0
4	Etyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 1400	< 3,0
5	Butyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 950	3,49
6	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	≤ 160*	< 15,0
7	Lưu lượng khí thải	Nm ³ /h	US EPA Method 2	-	9.224
8	Áp suất	mm H ₂ O	TN5/HD.HT/02	-	15,86
9	Nhiệt độ	°C	TN5/HD.HT/02	-	28,6

Ghi chú:

- **QCVN 20:2009/BTNMT**: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- **"*"** so sánh với **QCVN 19:2009/BTNMT**: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (K_p = 0,8; K_v = 1,0);
- **KPH**: Không phát hiện; **GHPH**: giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2026

GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC

Đặng Thanh Tùng

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/TN5/1956-02

Trang/Page: 1/1

VIMCERTS 093/2026/1597

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

Tên mẫu thử: Khí thải lấy tại ống thoát khí số 19 của hệ thống xử lý khí thải xưởng sơn line 6.1 - Quạt hút U.C Auto - 6.1.

Khách hàng: Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam.

Ngày lấy mẫu: 28/07/2026.

Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 28/07/2026 đến ngày: 24/08/2026.

Ngày hoàn thành: 24/08/2026.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 20: 2009 /BTNMT	Kết quả
1	Benzen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 5	KPH (GHPH = 1,0)
2	Toluen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 750	< 3,0
3	Xylen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 870	< 3,0
4	Etyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 1400	16,0
5	Butyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 950	< 3,0
6	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	≤ 160*	< 15,0
7	Lưu lượng khí thải	Nm ³ /h	US EPA Method 2	-	10.978
8	Áp suất	mm H ₂ O	TN5/HD.HT/02	-	1,13
9	Nhiệt độ	°C	TN5/HD.HT/02	-	28,1

Ghi chú:

- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- "*" so sánh với QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Kp = 0,8; Kv = 1,0);
- KPH: Không phát hiện; GHPH: giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2026

GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC

Đặng Thanh Tùng

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/TN5/1931-01

Trang/Page: 1/1

VIMCERTS 093/2026/1578

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

Tên mẫu thử: Khí thải lấy tại ống thoát khí số 20 của hệ thống xử lý khí thải xưởng sơn line 6.1 - Quạt hút U.C manual - 6.1.

Khách hàng: Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam.

Ngày lấy mẫu: 27/07/2026.

Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 24/07/2026 đến ngày: 24/08/2026.

Ngày hoàn thành: 24/08/2026.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 20: 2009 /BTNMT	Kết quả
1	Benzen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 5	KPH (GHPH = 1,0)
2	Toluen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 750	< 3,0
3	Xylen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 870	KPH (GHPH = 1,0)
4	Etyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 1400	KPH (GHPH = 1,0)
5	Butyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 950	< 3,0
6	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	≤ 160*	KPH (GHPH = 5,0)
7	Lưu lượng khí thải	Nm ³ /h	US EPA Method 2	-	35.243
8	Áp suất	mm H ₂ O	TN5/HD.HT/02	-	16,45
9	Nhiệt độ	°C	TN5/HD.HT/02	-	27,0

Ghi chú:

- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- "*" so sánh với QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (K_p = 0,8; K_v = 1,0);
- KPH: Không phát hiện; GHPH: giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2026

GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC
Đặng Thanh Hùng

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....26/TN5/1931-02

Trang/Page:.....1/1.....

VIMCERTS 093/2026/1579

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

Tên mẫu thử: **Khí thải lấy tại ống thoát khí số 21 của hệ thống xử lý khí thải xưởng sơn line 6.1 - Quạt hút T.C auto - 6.1 gộp với quạt hút Side Room.**

Khách hàng: **Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam.**

Ngày lấy mẫu: **27/07/2026.**

Thời gian thử nghiệm: **Từ ngày: 24/07/2026 đến ngày: 24/08/2026.**

Ngày hoàn thành: **24/08/2026.**

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 20: 2009 /BTNMT	Kết quả
1	Benzen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 5	KPH (GHPH = 1,0)
2	Toluen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 750	3,1
3	Xylen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 870	13,0
4	Etyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 1400	33,5
5	Butyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 950	12,1
6	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	≤ 160*	KPH (GHPH = 5,0)
7	Lưu lượng khí thải	Nm ³ /h	US EPA Method 2	-	40.317
8	Áp suất	mm H ₂ O	TN5/HD.HT/02	-	14,99
9	Nhiệt độ	°C	TN5/HD.HT/02	-	26,7

Ghi chú:

- **QCVN 20:2009/BTNMT**: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- **"*"** so sánh với **QCVN 19:2009/BTNMT**: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (K_p = 0,8; K_v = 1,0);
- **KPH**: Không phát hiện; **GHPH**: giới hạn phát hiện.

**TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT****Đặng Việt Lâm**

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2026

GIÁM ĐỐC**PHÓ GIÁM ĐỐC****Đặng Thanh Tùng**

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/TN5/1931-03

Trang/Page: 1/1

VIMCERTS 093/2026/1580

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

Tên mẫu thử: Khí thải lấy tại ống thoát khí số 22 của hệ thống xử lý khí thải xưởng sơn line 6.1 - Quạt hút T.C manual - 6.1.

Khách hàng: Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam.

Ngày lấy mẫu: 27/07/2026.

Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 24/07/2026 đến ngày: 24/08/2026.

Ngày hoàn thành: 24/08/2026.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 20: 2009 /BTNMT	Kết quả
1	Benzen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 5	KPH (GPH = 1,0)
2	Toluen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 750	< 3,0
3	Xylen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 870	7,97
4	Etyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 1400	33,7
5	Butyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 950	27,8
6	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	≤ 160*	KPH (GPH = 5,0)
7	Lưu lượng khí thải	Nm ³ /h	US EPA Method 2	-	30.238
8	Áp suất	mm H ₂ O	TN5/HD.HT/02	-	5,93
9	Nhiệt độ	°C	TN5/HD.HT/02	-	27,8

Ghi chú:

- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- "*" so sánh với QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Kp = 0,8; Kv = 1,0);
- KPH: Không phát hiện; GPH: giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2026

PHÓ GIÁM ĐỐC
Đặng Thanh Tùng

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/TN5/1927-04

Trang/Page: 1/1

VIMCERTS 093/2026/1577

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

Tên mẫu thử: Khí thải lấy tại ống thoát khí số 23 của hệ thống xử lý khí thải xưởng sơn line 6.1 - Quạt hút Setting - 6.1.

Khách hàng: Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam.

Ngày lấy mẫu: 23/07/2026.

Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 23/07/2026 đến ngày: 24/08/2026.

Ngày hoàn thành: 24/08/2026.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 20: 2009 /BTNMT	Kết quả
1	Benzen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 5	KPH (GPH = 1,0)
2	Toluen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 750	KPH (GPH = 1,0)
3	Xylen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 870	KPH (GPH = 1,0)
4	Etyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 1400	KPH (GPH = 1,0)
5	Butyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 950	KPH (GPH = 1,0)
6	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	≤ 160*	KPH (GPH = 5,0)
7	Lưu lượng khí thải	Nm ³ /h	US EPA Method 2	-	4.023
8	Áp suất	mm H ₂ O	TN5/HD.HT/02	-	1,357
9	Nhiệt độ	°C	TN5/HD.HT/02	-	36,9

Ghi chú:

- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- "*" so sánh với QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Kp = 0,8; Kv = 1,0);
- KPH: Không phát hiện; GPH: giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2026

GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC

Đặng Thanh Hùng

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....26/TN5/1941-01.

Trang/Page:.....1/1.....

VIMCERTS 093/2026/1582

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

Tên mẫu thử: Khí thải lấy tại ống thoát khí số 24 của hệ thống xử lý khí thải xưởng sơn line 6.2 - Quạt hút Primer - 6.2.

Khách hàng: Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam.

Ngày lấy mẫu: 27/07/2026.

Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 27/07/2026 đến ngày: 24/08/2026.

Ngày hoàn thành: 24/08/2026.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 20: 2009 /BTNMT	Kết quả
1	Benzen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 5	KPH (GHPH = 1,0)
2	Toluen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 750	5,63
3	Xylen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 870	< 3,0
4	Etyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 1400	37,3
5	Butyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 950	< 3,0
6	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	≤ 160*	KPH (GHPH = 5,0)
7	Lưu lượng khí thải	Nm ³ /h	US EPA Method 2	-	33.841
8	Áp suất	mm H ₂ O	TN5/HD.HT/02	-	13,30
9	Nhiệt độ	°C	TN5/HD.HT/02	-	28,6

Ghi chú:

- **QCVN 20:2009/BTNMT**: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- **“*”** so sánh với **QCVN 19:2009/BTNMT**: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Kp = 0,8; Kv = 1,0);
- **KPH**: Không phát hiện; **GHPH**: giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2026

GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/TN5/1956-03

Trang/Page: 1/1

VIMCERTS 093/2026/1598

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

Tên mẫu thử: Khí thải lấy tại ống thoát khí số 25 của hệ thống xử lý khí thải xưởng sơn line 6.2 - Quạt hút Mixing room - 6.2..

Khách hàng: Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam.

Ngày lấy mẫu: 28/07/2026.

Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 28/07/2026 đến ngày: 24/08/2026.

Ngày hoàn thành: 24/08/2026.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 20: 2009 /BTNMT	Kết quả
1	Benzen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 5	KPH (GPHH = 1,0)
2	Toluen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 750	9,14
3	Xylen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 870	3,48
4	Etyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 1400	11,5
5	Butyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 950	3,65
6	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	≤ 160*	< 15,0
7	Lưu lượng khí thải	Nm ³ /h	US EPA Method 2	-	8.120
8	Áp suất	mm H ₂ O	TN5/HD.HT/02	-	5,42
9	Nhiệt độ	°C	TN5/HD.HT/02	-	27,4

Ghi chú:

- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- "*" so sánh với QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Kp = 0,8; Kv = 1,0);
- KPH: Không phát hiện; GPHH: giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2026

GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC

Đặng Thanh Hùng

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....26/TN5/1941-02.

Trang/Page:.....1/1.....

VIMCERTS 093/2026/1583

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

Tên mẫu thử: Khí thải lấy tại ống thoát khí số 26 của hệ thống xử lý khí thải xưởng sơn line 6.2 - Quạt hút U.C Auto - 6.2.

Khách hàng: Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam.

Ngày lấy mẫu: 27/07/2026.

Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 27/07/2026 đến ngày: 24/08/2026.

Ngày hoàn thành: 24/08/2026.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 20: 2009 /BTNMT	Kết quả
1	Benzen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 5	KPH (GHPH = 1,0)
2	Toluen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 750	KPH (GHPH = 1,0)
3	Xylen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 870	3,03
4	Etyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 1400	< 3,0
5	Butyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 950	9,06
6	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	≤ 160*	KPH (GHPH = 5,0)
7	Lưu lượng khí thải	Nm ³ /h	US EPA Method 2	-	11.445
8	Áp suất	mm H ₂ O	TN5/HD.HT/02	-	1,13
9	Nhiệt độ	°C	TN5/HD.HT/02	-	27,3

Ghi chú:

- **QCVN 20:2009/BTNMT**: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- **"*"** so sánh với **QCVN 19:2009/BTNMT**: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Kp = 0,8; Kv = 1,0);
- **KPH**: Không phát hiện; **GHPH**: giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2026

GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Châm

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:..... 26/TN5/1931-04

Trang/Page:.....1/1

VIMCERTS 093/2026/1581

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

Tên mẫu thử: Khí thải lấy tại ống thoát khí số 27 của hệ thống xử lý khí thải xưởng sơn line 6.2 - Quạt hút U.C manual - 6.2.

Khách hàng: Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam.

Ngày lấy mẫu: 27/07/2026.

Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 24/07/2026 đến ngày: 24/08/2026.

Ngày hoàn thành: 24/08/2026.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 20: 2009 /BTNMT	Kết quả
1	Benzen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 5	KPH (GHPH = 1,0)
2	Toluen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 750	KPH (GHPH = 1,0)
3	Xylen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 870	< 3,0
4	Etyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 1400	23,5
5	Butyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 950	5,07
6	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	≤ 160*	KPH (GHPH = 5,0)
7	Lưu lượng khí thải	Nm ³ /h	US EPA Method 2	-	29.898
8	Áp suất	mm H ₂ O	TN5/HD.HT/02	-	20,01
9	Nhiệt độ	°C	TN5/HD.HT/02	-	27,7

Ghi chú:

- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- "*" so sánh với QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Kp = 0,8; Kv = 1,0);
- KPH: Không phát hiện; GHPH: giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2026

GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC

Đặng Thanh Tùng

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....26/TN5/1900-03.

Trang/Page:.....1/1.....

VIMCERTS 093/2026/1617

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

(Phiếu kết quả này thay cho phiếu kết quả số 26/TN5/1900-03 ra ngày 28/08/2026)

Tên mẫu thử: **Khí thải lấy tại ống thoát khí số 28 của hệ thống xử lý khí thải xưởng sơn line 6.2 - Quạt hút T.C Auto - 6.2.**

Khách hàng: **Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam.**

Ngày lấy mẫu: **21/07/2026.**

Thời gian thử nghiệm: **Từ ngày: 21/07/2026 đến ngày: 24/08/2026.**

Ngày hoàn thành: **24/08/2026.**

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 20: 2009 /BTNMT	Kết quả
1	Benzen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 5	KPH (GPHH = 1,0)
2	Toluen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 750	7,01
3	Xylen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 870	10,6
4	Etyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 1400	4,76
5	Butyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 950	31,7
6	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	≤ 160*	< 15,0
7	Lưu lượng khí thải	Nm ³ /h	US EPA Method 2	-	42.027
8	Áp suất	mm H ₂ O	TN5/HD.HT/02	-	16,27
9	Nhiệt độ	°C	TN5/HD.HT/02	-	25,9

Ghi chú:

- **QCVN 20:2009/BTNMT**: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- **"*"** so sánh với **QCVN 19:2009/BTNMT**: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Kp = 0,8; Kv = 1,0);
- **KPH**: Không phát hiện; **GPHH**: giới hạn phát hiện.

**TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT****Đặng Việt Lâm**

Hà Nội, ngày 04 tháng 09 năm 2026

**PHÓ GIÁM ĐỐC**
Nguyễn Ngọc Châm

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....26/TN5/1900-02

Trang/Page:.....1/1.....

VIMCERTS 093/2026/1616

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

(Phiếu kết quả này thay cho phiếu kết quả số 26/TN5/1900-02 ra ngày 28/08/2026)

Tên mẫu thử: **Khí thải lấy tại ống thoát khí số 29 của hệ thống xử lý khí thải xưởng sơn line 6.2 - Quạt hút T.C manu - 6.2.**

Khách hàng: **Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam.**

Ngày lấy mẫu: **21/07/2026.**

Thời gian thử nghiệm: **Từ ngày: 21/07/2026 đến ngày: 24/08/2026.**

Ngày hoàn thành: **24/08/2026.**

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 20: 2009 /BTNMT	Kết quả
1	Benzen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 5	KPH (GPHH = 1,0)
2	Toluen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 750	12,2
3	Xylen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 870	46,5
4	Etyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 1400	104
5	Butyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 950	215
6	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	≤ 160*	< 15,0
7	Lưu lượng khí thải	Nm ³ /h	US EPA Method 2	-	31.283
8	Áp suất	mm H ₂ O	TN5/HD.HT/02	-	23,03
9	Nhiệt độ	°C	TN5/HD.HT/02	-	26,2

Ghi chú:

- **QCVN 20:2009/BTNMT**: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- **"*"** so sánh với **QCVN 19:2009/BTNMT**: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Kp = 0,8; Kv = 1,0);
- **KPH**: Không phát hiện; **GPHH**: giới hạn phát hiện.

**TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT****Đặng Việt Lâm**

Hà Nội, ngày 04 tháng 09 năm 2026

GIÁM ĐỐC**PHÓ GIÁM ĐỐC**
Nguyễn Ngọc Châm

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....26/TN5/1900-01.

Trang/Page:.....1/1.....

VIMCERTS 093/2026/1615

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

(Phiếu kết quả này thay cho phiếu kết quả số 26/TN5/1900-01 ra ngày 28/08/2026)

Tên mẫu thử: **Khí thải lấy tại ống thoát khí số 30 của hệ thống xử lý khí thải xưởng sơn line 6.2 - Quạt hút Setting - 6.2.**

Khách hàng: **Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam.**

Ngày lấy mẫu: **21/07/2026.**

Thời gian thử nghiệm: **Từ ngày: 21/07/2026 đến ngày: 24/08/2026.**

Ngày hoàn thành: **24/08/2026.**

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 20: 2009 /BTNMT	Kết quả
1	Benzen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 5	KPH (GHPH = 1,0)
2	Toluen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 750	KPH (GHPH = 1,0)
3	Xylen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 870	< 3,0
4	Etyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 1400	KPH (GHPH = 1,0)
5	Butyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	≤ 950	3,54
6	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	≤ 160*	< 15,0
7	Lưu lượng khí thải	Nm ³ /h	US EPA Method 2	-	3.036
8	Áp suất	mm H ₂ O	TN5/HD.HT/02	-	0,773
9	Nhiệt độ	°C	TN5/HD.HT/02	-	33,6

Ghi chú:

- **QCVN 20:2009/BTNMT**: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- **"*"** so sánh với **QCVN 19:2009/BTNMT**: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Kp = 0,8; Kv = 1,0);
- **KPH**: Không phát hiện; **GHPH**: giới hạn phát hiện.

**TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT****Đặng Việt Lâm**

Hà Nội, ngày 04 tháng 09 năm 2026

**PHÓ GIÁM ĐỐC**
Nguyễn Ngọc Châm

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....26/TN5/1880-01.....

Trang/Page:.....1/1

VIMCERTS 093/2026/1613

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

(Phiếu kết quả này thay cho phiếu kết quả số 26/TN5/1880-01 ra ngày 28/08/2026)

Tên mẫu thử: **Khí thải lấy tại ống thoát khí số 31 của hệ thống xử lý khí thải xưởng hàn line 5 - WE1.**

Khách hàng: **Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam.**

Ngày lấy mẫu: **20/07/2026**

Thời gian thử nghiệm: **Từ ngày: 20/07/2026 đến ngày: 24/08/2026.**

Ngày hoàn thành: **24/08/2026**

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 19: 2009 BTNMT-B (Kp = 0,8; Kv = 0,8)	Kết quả
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	≤ 128	< 15,0
2	Axit Clohydric, HCl	mg/Nm ³	US EPA Method 26A	≤ 32	KPH (GHPH = 0,50)
3	Cacbon oxit, CO	mg/Nm ³	TN5/HD.HT/31	≤ 640	3,04
4	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂	mg/Nm ³	TN5/HD.HT/31	≤ 320	0
5	NO _x (Tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	TN5/HD.HT/31	≤ 544	3,14
6	Hydro sunphua, H ₂ S	mg/Nm ³	JIS K 0108:2010	≤ 4,8	KPH (GHPH = 1,0)
7	Chì và hợp chất, tính theo Pb	mg/Nm ³	US EPA Method 29	≤ 3,2	KPH (GHPH = 0,01)
8	Lưu lượng khí thải	Nm ³ /h	US EPA Method 2	-	72.575
9	Áp suất	mm H ₂ O	TN5/HD.HT/02	-	11,13
10	Nhiệt độ	°C	TN5/HD.HT/02	-	28,1

Ghi chú:

- **QCVN 19:2009/BTNMT-B:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với Bụi tổng và các chất vô cơ – cột B (Kp = 0,8; Kv = 1,0);
- **KPH:** Không phát hiện; **GHPH:** giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 04 tháng 09 năm 2026

THỦ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....26/TN5/1880-02.....

Trang/Page:.....1/1

VIMCERTS 093/2026/1614

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

(Phiếu kết quả này thay cho phiếu kết quả số 26/TN5/1880-02 ra ngày 28/08/2026)

Tên mẫu thử: **Khí thải lấy tại ống thoát khí số 32 của hệ thống xử lý khí thải xưởng hàn line 5 - WE2.**
Khách hàng: **Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam.**
Ngày lấy mẫu: **20/07/2026**
Thời gian thử nghiệm: **Từ ngày: 20/07/2026 đến ngày: 24/08/2026.**
Ngày hoàn thành: **24/08/2026**

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 19: 2009 BTNMT-B (Kp = 0,8; Kv = 0,8)	Kết quả
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	≤ 128	< 15,0
2	Axit Clohydric, HCl	mg/Nm ³	US EPA Method 26A	≤ 32	KPH (GHPH = 0,50)
3	Cacbon oxit, CO	mg/Nm ³	TN5/HD.HT/31	≤ 640	1,14
4	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂	mg/Nm ³	TN5/HD.HT/31	≤ 320	0
5	NO _x (Tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	TN5/HD.HT/31	≤ 544	0,126
6	Hydro sunphua, H ₂ S	mg/Nm ³	JIS K 0108:2010	≤ 4,8	KPH (GHPH = 1,0)
7	Chì và hợp chất, tính theo Pb	mg/Nm ³	US EPA Method 29	≤ 3,2	KPH (GHPH = 0,01)
8	Lưu lượng khí thải	Nm ³ /h	US EPA Method 2	-	72.734
9	Áp suất	mm H ₂ O	TN5/HD.HT/02	-	11,21
10	Nhiệt độ	°C	TN5/HD.HT/02	-	28,1

Ghi chú:
- **QCVN 19:2009/BTNMT-B:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với Bụi tổng và các chất vô cơ – cột B (Kp = 0,8; Kv = 1,0);
- **KPH:** Không phát hiện; **GHPH:** giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 04 tháng 09 năm 2026



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Châm

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/TN5/1975-01

Trang/Page: 1/1

VIMCERTS 093/2026/1608

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

Tên mẫu thử: Khí thải lấy tại ống thoát khí thải số 34 từ nồi hơi số 1.
Khách hàng: Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam.
Ngày lấy mẫu: 31/07/2026
Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 31/07/2026 đến ngày: 24/08/2026.
Ngày hoàn thành: 24/08/2026

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 19: 2009 BTNMT-B Kp = 0,8; Kv = 0,8	Kết quả
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	≤ 128	KPH (GPH = 5,0)
2	Cacbon oxit, CO	mg/Nm ³	TN5/HD.HT/31	≤ 640	0
3	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂	mg/Nm ³	TN5/HD.HT/31	≤ 320	0
4	NO _x (Tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	TN5/HD.HT/31	≤ 544	0,251
5	Lưu lượng khí thải	Nm ³ /h	US EPA Method 2	-	3.570
6	Áp suất	mm H ₂ O	TN5/HD.HT/02	-	1,39
7	Nhiệt độ	°C	TN5/HD.HT/02	-	30,5

Ghi chú:
- QCVN 19:2009/BTNMT-B: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với Bụi tổng và các chất vô cơ – cột B;
- KPH: Không phát hiện; GPH: giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2026

GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC

Đặng Thanh Tùng

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/TN5/1975-02

Trang/Page: 1/1

VIMCERTS 093/2026/1609

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

Tên mẫu thử: **Khí thải lấy tại ống thoát khí thải số 35 từ nồi hơi số 2.**
Khách hàng: **Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam.**
Ngày lấy mẫu: **31/07/2026**
Thời gian thử nghiệm: **Từ ngày: 31/07/2026 đến ngày: 24/08/2026.**
Ngày hoàn thành: **24/08/2026**

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 19: 2009 BTNMT-B Kp = 0,8; Kv = 0,8	Kết quả
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	≤ 128	KPH (GHPH = 5,0)
2	Cacbon oxit, CO	mg/Nm ³	TN5/HD.HT/31	≤ 640	0
3	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂	mg/Nm ³	TN5/HD.HT/31	≤ 320	0
4	NO _x (Tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	TN5/HD.HT/31	≤ 544	0
5	Lưu lượng khí thải	Nm ³ /h	US EPA Method 2	-	4.010
6	Áp suất	mm H ₂ O	TN5/HD.HT/02	-	1,52
7	Nhiệt độ	°C	TN5/HD.HT/02	-	32,3

Ghi chú:
- **QCVN 19:2009/BTNMT-B:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với Bụi tổng và các chất vô cơ – cột B;
- **KPH:** Không phát hiện; **GHPH:** giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2026

GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC

Đặng Thanh Tùng

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/TN5/1975-03

Trang/Page: 1/1

VIMCERTS 093/2026/1610

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

Tên mẫu thử: Khí thải lấy tại ống thoát khí thải số 36 từ nồi hơi số 3,4.
Khách hàng: Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam.
Ngày lấy mẫu: 31/07/2026
Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 31/07/2026 đến ngày: 24/08/2026.
Ngày hoàn thành: 24/08/2026

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 19: 2009 BTNMT-B Kp = 0,8; Kv = 0,8	Kết quả
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	≤ 128	KPH (GHPH = 5,0)
2	Cacbon oxit, CO	mg/Nm ³	TN5/HD.HT/31	≤ 640	0
3	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂	mg/Nm ³	TN5/HD.HT/31	≤ 320	0
4	NO _x (Tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	TN5/HD.HT/31	≤ 544	0
5	Lưu lượng khí thải	Nm ³ /h	US EPA Method 2	-	4.040
6	Áp suất	mm H ₂ O	TN5/HD.HT/02	-	1,24
7	Nhiệt độ	°C	TN5/HD.HT/02	-	35,9

Ghi chú:
- QCVN 19:2009/BTNMT-B: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với Bụi tổng và các chất vô cơ – cột B;
- KPH: Không phát hiện; GHPH: giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2026

GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC
Đặng Thanh Tùng

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/TN5/1975-04

Trang/Page: 1/1

VIMCERTS 093/2026/1611

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

Tên mẫu thử: Khí thải lấy tại ống thoát khí thải số 37 từ nồi hơi số 5.
Khách hàng: Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam.
Ngày lấy mẫu: 31/07/2026
Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 31/07/2026 đến ngày: 24/08/2026.
Ngày hoàn thành: 24/08/2026

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 19: 2009 BTNMT-B Kp = 0,8; Kv = 0,8	Kết quả
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	≤ 128	KPH (GPHH = 5,0)
2	Cacbon oxit, CO	mg/Nm ³	TN5/HD.HT/31	≤ 640	0
3	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂	mg/Nm ³	TN5/HD.HT/31	≤ 320	0
4	NO _x (Tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	TN5/HD.HT/31	≤ 544	0
5	Lưu lượng khí thải	Nm ³ /h	US EPA Method 2	-	3.509
6	Áp suất	mm H ₂ O	TN5/HD.HT/02	-	0,75
7	Nhiệt độ	°C	TN5/HD.HT/02	-	30,8

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT-B: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với Bụi tổng và các chất vô cơ – cột B;
- KPH: Không phát hiện; GPHH: giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2026

GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC

Đặng Thanh Hùng

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/TN5/1975-05

Trang/Page: 1/1

VIMCERTS 093/2026/1612

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

Tên mẫu thử: Khí thải lấy tại ống thoát khí thải số 38 từ nồi hơi số 6,7.
Khách hàng: Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam.
Ngày lấy mẫu: 31/07/2026
Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 31/07/2026 đến ngày: 24/08/2026.
Ngày hoàn thành: 24/08/2026

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 19: 2009 BTNMT-B Kp = 0,8; Kv = 0,8	Kết quả
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	≤ 128	KPH (GHPH = 5,0)
2	Cacbon oxit, CO	mg/Nm ³	TN5/HD.HT/31	≤ 640	0
3	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂	mg/Nm ³	TN5/HD.HT/31	≤ 320	0
4	NO _x (Tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	TN5/HD.HT/31	≤ 544	0,125
5	Lưu lượng khí thải	Nm ³ /h	US EPA Method 2	-	3.318
6	Áp suất	mm H ₂ O	TN5/HD.HT/02	-	1,01
7	Nhiệt độ	°C	TN5/HD.HT/02	-	53,6

Ghi chú:
- QCVN 19:2009/BTNMT-B: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với Bụi tổng và các chất vô cơ – cột B;
- KPH: Không phát hiện; GHPH: giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2026
GIÁM ĐỐCPHÓ GIÁM ĐỐC
Đặng Thanh Tùng

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.